KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ CƠ THỂ TRONG GIAO TIẾP SINH VIÊN TP.HCM

SV : Nguyễn Thị Bích Phương

Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giao tiếp là một quá trình hoạt động trao đổi thông tin, tiếp xúc tâm lý, hiểu biết lẫn nhau, tác động và ảnh hưởng lẫn nhau và thường xuyên hay không thường xuyên tiếp diễn hằng ngày… Một phần quan trọng của giao tiếp bên cạnh ngôn từ (lời nói) là phi ngôn ngữ góp phần mang lại hiệu quả giao tiếp.

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài "Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM)" để tìm hiểu về thực trạng, nhằm đưa đến những kiến nghị dựa trên lý luận thực tiễn. Từ đó giúp cải thiện kỹ năng giao tiếp nơi sinh viên, hiểu về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể và cách nhìn nhận vấn đề, ứng dụng trong giao tiếp, phỏng vấn xin việc... một cách chính xác hơn. Trên nền tảng đó sinh viên sẽ được hướng dẫn cách để xây dựng và hình thành nên những phương pháp giúp bạn có thể nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp. Và bắt đầu là trong suy nghĩ và cả những sáng kiến trong công việc và học tập... ngay từ bây giờ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài được tiến hành nhằm tìm hiểu thực trạng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên, trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp rèn luyện các kỹ năng này cho sinh viên TP. HCM hiện nay.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

Làm rõ thực trạng sử dụng kỹ năng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên TP. HCM.

Khuyến nghị một số biện pháp giúp phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp cho sinh viên TP. HCM.

4. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên TP. HCM.

4.2. Khách thể nghiên cứu

100 sinh viên một số trường: Đại học Văn Hiến TP. HCM, Đại học Tôn Đức Thắng; Đại học Sư Phạm TP. HCM, Cao đẳng Điện lực TP. HCM...

4.3. Phạm vi nghiên cứu

4.3.1. Giới hạn về nội dung

Chủ yếu nghiên cứu về kỹ năng sử dụng một số ngôn ngữ cơ thể, những động tác, tư thế, cử chỉ giúp sinh viên TP. HCM gây thiện cảm với mọi người, nhờ vậy thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với mọi người.

4.3.2. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu

Chủ yếu tập trung nghiên cứu về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể của sinh viên tại một số trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt là sinh viên các trường: ĐH Văn Hiến, ĐH Sư Phạm TP. HCM, ĐH Tôn Đức Thắng, CĐ Điện lực Tp Hồ Chí Minh…

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Được tiến hành đựa trên cơ sở một số nguyên tắc, phương pháp luận cơ bản của tâm lý học sau đây: Nguyên tắc hoạt động, nguyên tắc tiếp cận hệ thống.

Khi nghiên cứu đề tài này, chúng tôi nghiên cứu kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên TP. HCM trong mối quan hệ với các yếu tố liên quan khác như nhận thức, hành vi, cử chỉ, các điều kiện tác động...

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lí luận: được tiến hành nhằm hệ thống hoá các vấn đề lý luận làm cơ sở cho nghiên cứu đề tài.

Phương pháp điều tra bảng hỏi: được tiến hành nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng kỹ năng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên TP. HCM.

Phương pháp quan sát.

Phương pháp phỏng vấn sâu.

Phương pháp thống kê toán học: Phần dữ liệu có sẵn sẽ được đọc, chắt lọc và tổng hợp để đưa vào nội dung phù hợp với đề tài nghiên cứu. Thông tin thu được từ bảng hỏi sẽ được mã hóa; nhập liệu và xử lý thông tin qua phần mềm vi tính.

6. Giả thuyết nghiên cứu

Sinh viên, ý thức chưa đầy đủ về ý nghĩa của nnct. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên TP. HCM còn hạn chế và chưa được quan tâm phát triển.

Có nhiều yếu tố tác động đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên: chương trình đào tạo nghề, sự luyện tập có ý thức của cá nhân,…

Cần có chương trình học tập, hỗ trợ sinh viên trong việc học tập, thực hiện và rèn luyện về việc sử dụng kĩ năng này, để việc sử dụng kĩ năng đạt hiệu quả hơn.

7. Đóng góp mới của đề tài

7.1. Đóng góp về mặt lý luận

Kết quả nghiên cứu sẽ giúp hệ thống hoá một số vấn đề lí luận liên quan đến đề tài như khái niệm, vị trí, vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp, các yêu cầu với việc hiểu ngôn ngữ cơ thể của người khác và các biện pháp học điều khiển ngôn ngữ cơ thể của bản thân...

7.2. Về thực tiễn

Làm sáng tỏ thực trạng các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên. Trên cơ sở đó, đề xuất một số các biện pháp tác động có tính khả thi trong việc hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp cho sinh viên tại TP. HCM.

Các kết quả nghiên cứu của đề tài có thể phục vụ cho việc xây dựng nội dung đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp cho sinh viên nói chung và cho sinh viên tại TP. HCM nói riêng.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận

1.1. Tổng quan các nghiên cứu về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp

1.1.1. Ở nước ngoài

Biểu lộ cảm xúc ở con người và động vật (The Expression of the Emotions in Man and Anima) (Charles Darwin, 1872) đã đề cập đến ngôn ngữ cơ thể.

Cuốn "Ngôn ngữ khuôn mặt" của Robert L. Vaitsaida, "Đọc khuôn mặt" của Leopold Bellan và Xema Sinpolier Baker, "Ngôn ngữ của cử chỉ" của Allan Pease, "Vận dụng ngôn ngữ cơ thể mới" của Janine Driver, "Thuyết phục, nghệ thuật tác động đến người khác" (James Borg) cũng đề cập về ngôn ngữ của cơ thể trong giao tiếp.

Tóm lại, do những hiệu quả mà ngôn ngữ cơ thể mang lại, đã có nhiều các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ cơ thể ở nước ngoài, có thể nói ngôn ngữ cơ thể giúp đạt hiệu quả giao tiếp trong cuộc sống và trong công việc.

1.1.2. Ở trong nước

Hiện nay, ở Việt Nam, có một số sách về ngôn ngữ cơ thể đã được dịch sang tiếng Việt, trong đó có cuốn sách "Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể" của Allan và Barbara Pease. Nhiều trường đại học cũng đã dạy kĩ năng giao tiếp cho sinh viên, trong đó có ngôn ngữ cơ thể. Tuy nhiên, việc hiểu, đọc được về kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể của sinh viên vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

1.2. Khái niệm về giao tiếp

Giao tiếp giúp con người trao đổi, truyền đạt thông tin, và thiết lập các mối quan hệ xã hội... cần sử dụng các phương tiện giao tiếp hiệu quả nhất nhằm mang lại việc giao tiếp lịch sự, thân thiện, thông tin truyền đạt một cách tối ưu nhất có thể,…

1.3. Khái niệm về ngôn ngữ

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chủ yếu của con người. Bằng ngôn ngữ chúng ta có thể truyền đạt đi một cách chính xác bất kỳ một thông tin nào, có thể diễn tả tâm trạng, tình cảm, miêu tả hành động hay sự vật. Ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp bao gồm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Để sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả, chúng ta cần lưu tâm đến: nội dung ngôn ngữ, phát âm, giọng nói, tốc độ nói [2, tr 46]. Như vậy, ngôn ngữ là phương tiện của giao tiếp và tư duy của con người.

1.4. Khái niệm về ngôn ngữ cơ thể

Có rất nhiều khái niệm về ngôn ngữ cơ thể. Tuy nhiên khái niệm về ngôn ngữ cơ thể nhìn chung là những hành vi, cử chỉ, điệu bộ… của mỗi cơ thể trong vô thức khi giao tiếp. Một phần nào đó thể hiện nội dung, thái độ, văn hóa… khi giao tiếp, là phương tiện trong giao tiếp.

1.5. Một số hành vi, cử chỉ, điệu bộ cơ thể trong giao tiếp

Khuôn mặt:

Các điệu bộ: Khoanh tay, bàn tay, cách bắt tay, bắt chéo chân.

Cử động đầu, tư thế.

Lãnh thổ: Khoảng không gian cá nhân phụ thuộc vào văn hóa vùng miền. Mỗi người trong chúng ta đều có khoảng không gian riêng tư của mình.

Bắt chước: Việc đọc hiểu ngôn ngữ cơ thể là cả một quá trình học tập, quan sát và ghi nhớ. Cần trao đồi, học hỏi thêm việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể để việc giao tiếp của bạn trở nên hiệu quả hơn.

1.6. Vị trí, vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp

Ngôn ngữ cơ thể là một trong những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, được dùng để biểu lộ thái độ, suy nghĩ, giúp truyền đạt thông tin một cách hiệu quả hơn.

1.7. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên

Bên cạnh ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chính, tuy nhiên ngôn ngữ cơ thể cũng đóng một vai trò quan trong mang lại hiệu quả giao tiếp, là công cụ để truyền đạt thông tin một cách hữu hiệu nhất nhưng dường như chưa nhận được sự quan tâm của mọi người trong đó có học sinh/sinh viên.

Vì vậy, nhận biết ngôn ngữ cơ thể tích cực và không tích cực giúp bạn có thể góp phần mang xoay đổi tình thế. Tìm cách giải quyết đưa người đối diện về với nội dung bạn nói một cách hứng thú hơn.

Mức độ của các kỹ năng:

- Hình thành: là quá trình quan sát và học tập từ rất nhỏ..
- Thực hành: chúng ta thường sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp tuy nhiên việc sử dụng một cách đại trà, ít thông qua việc học tập, tìm hiểu.
- Rèn luyện: Rất ít trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp…

Mức độ của các nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên. Về tiêu chí và các mức độ của tiêu chí: thông qua 3 tiêu chí là: tính đầy đủ, tính thành thục, tính linh hoạt.

1.8. Các nguyên tắc cải thiện khả năng đọc ngôn ngữ cơ thể

Hiểu các điệu bộ theo cụm: Cần xem xét cụm điệu bộ ngôn ngữ cơ thể để hiểu chính xác hơn cuộc giao tiếp.

Tìm kiếm sự phù hợp: việc theo dõi cụm diệu bộ, sự hòa hợp giữa ngôn ngữ cơ thể và lời nói là yếu tố then chốt để giải nghĩa chính xác thái độ của mội người thông qua ngôn ngữ này [1, trang 48].

Cùng với ngôn ngữ là hệ thống quang học – vận động (nét mặt, điệu bộ, cử chỉ),... giúp ích là cho quá trình hình thành quan hệ giao tiếp, trao đổi thông tin, tạo thiện cảm, hiểu điệu bộ trong ngữ cảnh.

1.9. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể của sinh viên trong giao tiếp

1.9.1. Yếu tố chủ quan

Tuy nhiên, ngôn ngữ cơ thể là phản xạ tự nhiên, tự động thoát ra dưới sự điều khiển của tiềm thức nên đôi khi người ta rất khó kiểm soát.

Bẩm sinh, di truyền, văn hóa, ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm bản thân…

1.9.2. Yếu tố khách quan

Việc học tập và rèn luyện sẽ giúp học sinh sinh viên có nhiều kiến thức, hiệu quả giao tiếp cao hơn về ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp. Bên cạnh đó kĩ năng làm việc nhóm, tạo mối quan hệ, ứng dụng trong phỏng vấn xin việc cao hơn…

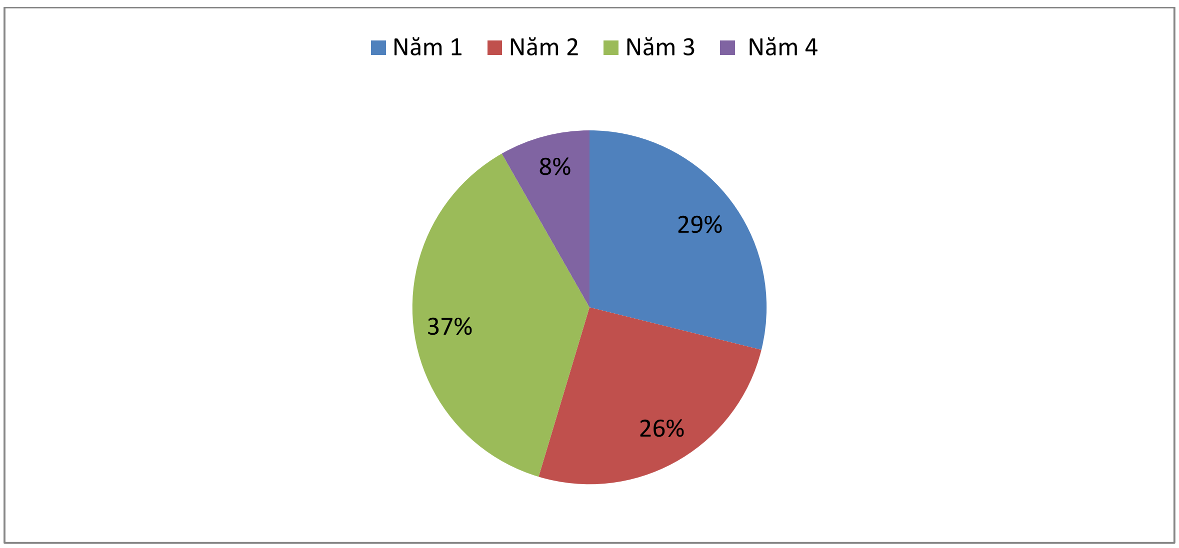
2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Giới tính: Nam: 44 sinh viên; Nữ: 56 sinh viên

Khách thể nghiên cứ được lựa chọn một cách ngẫu nhiên.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ các sinh viên được hỏi theo các năm học



2.2. Thực trạng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể

2.2.1. Nhận thức của sinh viên về việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp

Nhận thức của sinh viên về bản chất, vai trò và các yêu cầu khi sử dụng ngôn ngữ cơ thể của sinh viên trong giao tiếp của sinh viên thành phố Hồ Chí Minh

Nhận thức của sinh viên về bản chất của ngôn ngữ cơ thể:

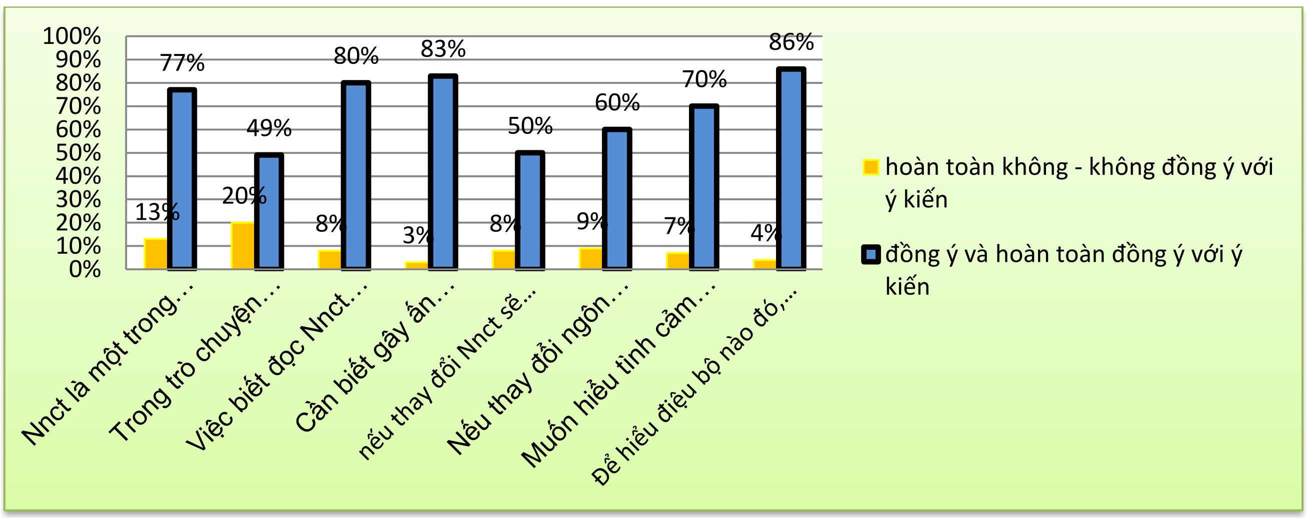
Hầu hết sinh viên (44% đồng ý và 33% hoàn toàn đồng ý) đã nhận thức rằng ngôn ngữ cơ thể là một phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Tuy nhiên, vẫn có 13% ý kiến không

đồng ý và hoàn toàn không đồng ý rằng ngôn ngữ cơ thể là một phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Điều này cho thấy số các bạn này chưa hiểu về bản chất của ngôn ngữ cơ thể.

Nhận thức của sinh viên về vai trò ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp:

Có thể thấy, sinh viên hiểu tốt hơn về ý nghĩa thông thường của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp là giúp hiểu cảm xúc của người khác và gây ấn tượng tốt với người khác. Còn ý nghĩa sâu sắc hơn như giúp truyền đạt thông điệp nhiều hơn yếu tố lời nói, sự thay đổi của ngôn ngữ cơ thể sẽ làm thay đổi tâm trạng của bản thân và thay đổi sự giao thiệp với mọi người xung quanh thì nhiều sinh viên không thật chắc chắn. Điều này cho thấy sự cần thiết phải đưa lí luận về ngôn ngữ cơ thể vào nội dung đào tạo bồi dưỡng cho sinh viên.

Biểu đồ 2: Nhận thức của sinh viên về các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp



2.2.2. Nhận thức của sinh viên về vai trò của việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh

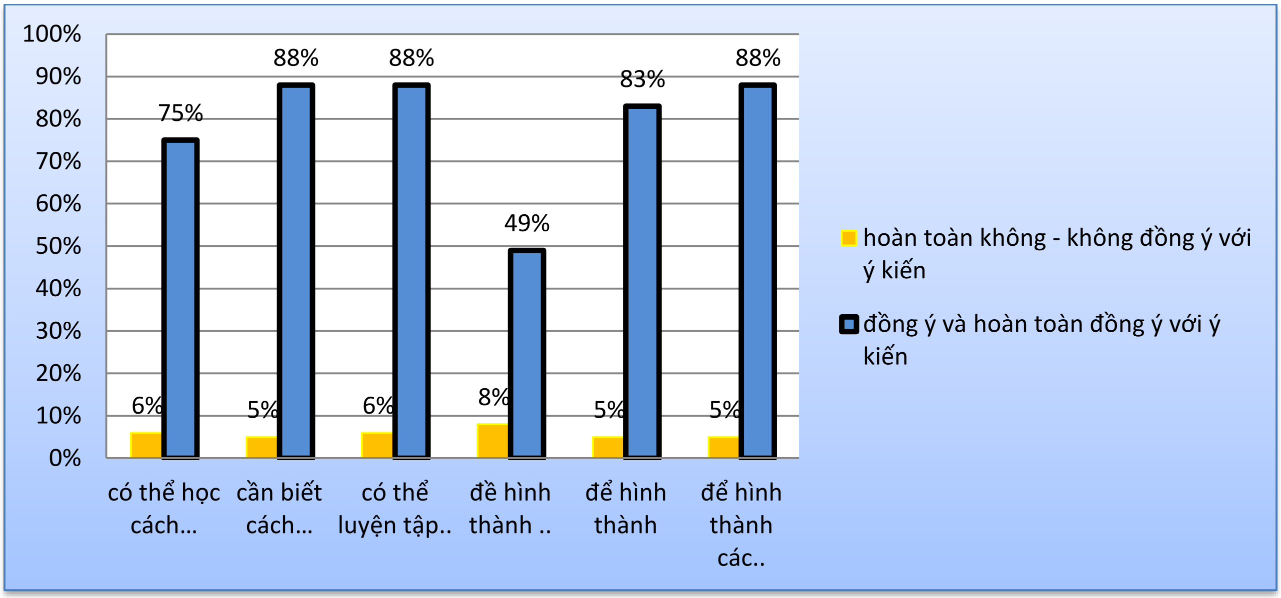
Nhận thức của sinh viên về các biện pháp có thể giúp phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể của sinh viên: Sinh viên đã có những nhận thức nhất định về các biện pháp có thể giúp ích cho việc hình thành kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp. Tuy nhiên vẫn có 5-6% không đồng ý, và hoàn toàn không đồng ý. Tuy những con số này không lớn nhưng phần nào đó cho thấy, một bộ phận sinh viên chưa có nhận thức về các biện pháp trên để cải thiện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên.

Nhận thức của sinh viên về các biện pháp hình thành các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên

Để hình thành kĩ năng trong giao tiếp, sinh viên cần thường xuyên quan sát ngôn ngữ cơ thể của người khác cũng như nhận biết một cách có ý thức các điệu bộ của bản thân.

Bên cạnh đó, có dưới 5% không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý, thể hiện việc sinh viên chưa quan tâm đến các biện pháp phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể của sinh viên.

Biểu đồ 3: Nhận thức của sinh viên về biện pháp phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể của sinh viên

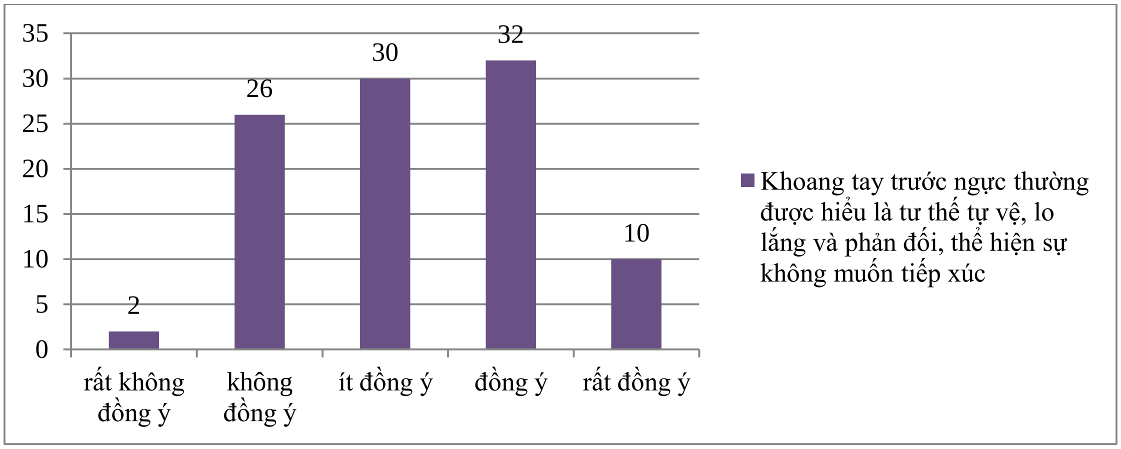


2.2.3. Nhận thức của sinh viên về các yêu cầu khi sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên

Nụ cười: có 72%, 74%, 54% đồng ý và hoàn toàn đồng ý về các loại ngôn ngữ trên, cho thấy sinh viên có quan sát tìm hiểu về nụ cười trong giao tiếp, Tuy nhiên vẫn có 11%, 9%, 15% không đồng ý với ý kiến trên.

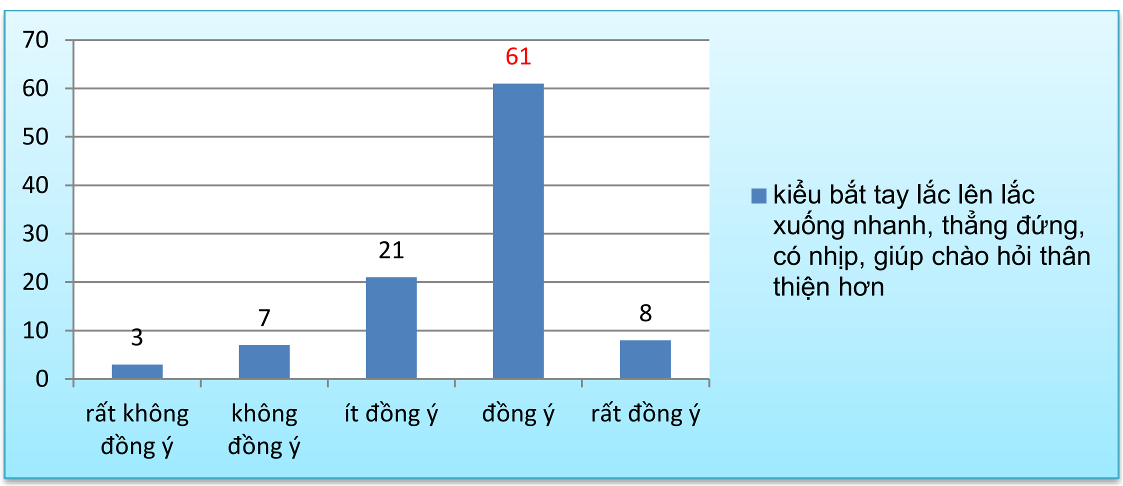
Việc khoanh tay trước ngực có nghĩa là bạn tạo rào chắn giữa mình mình và người đối diện. Còn nếu, khi bạn thấy ai đó đang trong tư thế khoanh tay trước ngực khi nói chuyện, thì có thể nội dung bạn đang nói không được họ đồng tình. Điệu bộ này cho thấy thái độ tiêu cực trong khi trò chuyện và giải pháp của bạn là phá vỡ tư thế này bằng cách đưa cho họ cầm, chẳng hạn một ly nước, hoặc giao cho họ một việc gì đó.

Biểu đồ 4: Biểu đồ thể hiện ý ngĩa của cử động khoang tay trước ngực



Kiểu bắt tay lắc lên lắc xuống, nhanh thẳng đứng, có nhịp, giúp việc chào hỏi thân thiện hơn có 62% các bạn đồng ý, 8% rất đồng ý và chỉ 3 % cho việc rất không đồng ý. Thông thường họ vẫn tiếp tục cầm tay nhau cho đến khi người chủ động bắt tay ngừng lại. Tuy nhiên, động tác này thường được cho là làm suy yếu "ý chí" của chúng ta. Vì vậy, bạn có thể chọn cách bắt tay bình đẳng, hai lòng bàn tay thẳng đứng tạo thành các bắt tay gọng kìm. Hãy để lòng bàn tay của bạn và của đối phương ở tư thế thẳng đứng và bắt tay với lực bằng lực bạn nhận được từ họ.

Biểu đồ 5: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ ý kiến của sinh viên về động tác bắt tay (kiểu bắt tay lên xuống, thẳng đứng, có nhịp, giúp chào hỏi trở nên thân thiện)



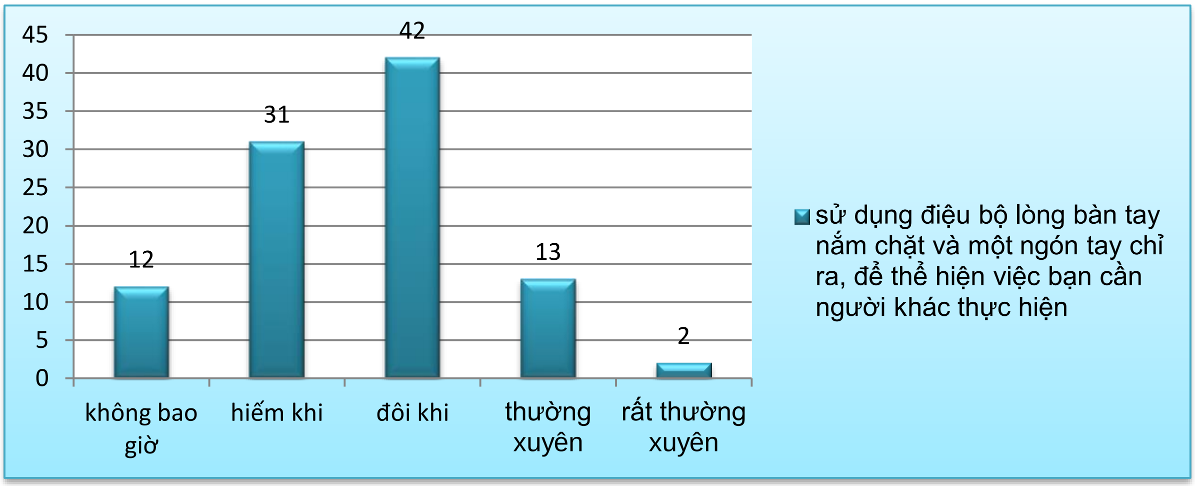
2.2.4. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh

2.2.4.1. Mức độ kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên nói chung

Khi lòng bàn tay nắm chặt, một ngón tay chỉ ra được cho rằng là hình ảnh của một nắm đấm với ngón trỏ của bạn được xem tượng trưng cho chiếc dùi cui mà bạn đang ép

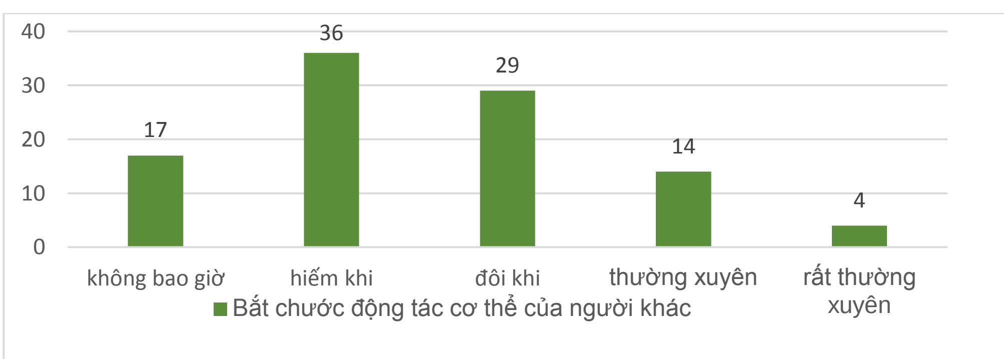
người khác phải làm việc gì đó. Hành động này thực sự là một điệu bộ tiêu cực. Nó làm cho người đối điện khó chịu với nội dung bạn nói. Hành động này chỉ được sử dụng khi chỉ vào xúc vật, chỉ đường… Tuy nhiên, khi khảo sát chúng tôi thấy rằng, có đến 13% các bạn thường xuyên sử dụng điệu bộ này và 42% đôi khi có sử dụng điệu bộ này.

Biểu đồ 6: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ các mức độ sinh viên sử dụng cử động của bàn tay



Ở khảo sát trên, chúng ta thấy rằng có 36% - 29% các bạn hiếm khi và đôi khi mới sử dụng hành vi này và 17% không bao giờ sử dụng. Tuy nhiên, đó là cách mà người khác nói cho chúng ta biết rằng họ đồng ý và rất có thể họ thích chúng ta. Chúng ta có thể bắt chước để người khác biết rằng chúng ta có cảm tình, thiện chí với họ. Và hơn hết, khi bắt chước ngôn ngữ cơ thể của người khác, bạn phải xem xét mối quan hệ của bạn với người đó. Khi đi tới một nơi nào đó, hoặc một sự kiện, nơi mà người ta gặp gỡ và giao lưu với nhau hãy chú ý đến hành vi bắt chước của người khác.

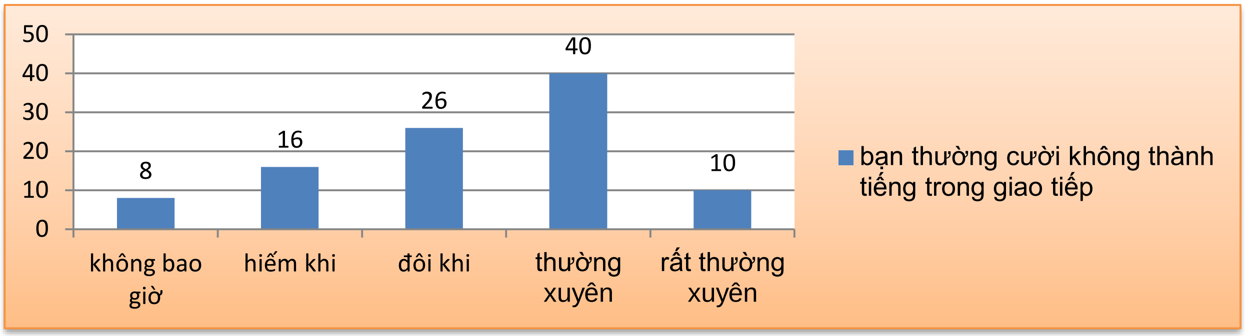
Biểu đồ 7: Biểu đồ tỷ lệ các mức độ sinh viên sử dụng một số ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp (bắt chước các động tác cơ thể của người khác)



Tuy nhiên, khi chúng tôi khảo sát, có đến 40% sinh viên thường xuyên cười không thành tiếng, 10% rất thường xuyên. Điều này cho thấy rằng, chúng ta đang bỏ qua một liệu

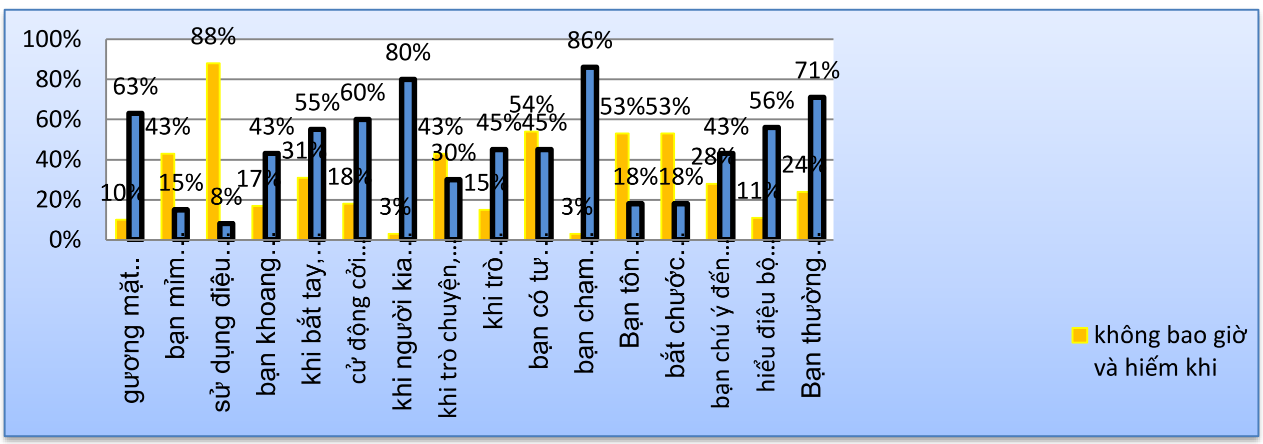
pháp vô cùng có ích không chỉ trong giao tiếp mà cả trong sức khỏe của chính chúng ta. Hãy cười thành tiếng với âm thanh phát ra vừa phải để thể hiện phép lịch sự và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp. Hãy cười thật nhiều, nhiều đến mức bạn có thể.

Biểu đồ 8: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ các mức độ sinh viên sử dụng một số ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp (thường cười không thành tiếng trong giao tiếp)



2.2.4.2. Mức độ kỹ năng sử dụng các loại ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên

Như vậy, thông qua việc nghiên cứu việc sử dụng một số ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp cho chúng ta thấy rằng, hầu như các bạn sinh viên sử dụng chưa đúng cách và chưa mang lại hiệu quả trong giao tiếp như mong đợi. Vì vậy, thiết nghĩ việc học tập, nghiên cứu, quan sát và rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể là hết sức cần thiết. *Biểu đồ 10: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ các mức độ sinh viên sử dụng một số ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp*



2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh.

Yếu tố chủ quan: Bản thân sinh viên chưa mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, chưa hiểu được đối tượng và tình huống giao tiếp. Sinh viên chưa tự giác luyện tập việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp…

Yếu tố khách quan: Các sinh viên cho rằng khó khăn của bản thân trong giao tiếp là: Sinh viên thường dành thời gian cho việc sử dụng mạng xã hội facebook, zalo,… nên không còn nhiều thời gian cho việc giao tiếp trực tiếp với mọi người. Hầu như sinh viên chưa được học, tìm hiểu về việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể nên việc đọc hiểu và sử dụng ngôn ngữ chưa mang lại thành công trong giao tiếp …

2.4. Đề xuất một số biện pháp giúp sinh viên sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp ngày càng tốt hơn

2.4.1. Cơ sở đề xuất biện pháp

Thông qua thực trạng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên tại TP. HCM.

2.4.2. Một số biện pháp nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của sinh viên tại TP. HCM.

Việc mở ra các khóa học, tập huấn, huấn luyện việc sử dụng kĩ năng ngôn ngữ cơ thể.

Sinh viên tự tham khảo các sách báo, tự học qua các phương tiện truyền thông khác nhau…

Tự rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể thông qua việc quan sát và mạnh dạn giao tiếp với mọi người

KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về mặt lý luận

Thông qua nghiên cứu lý luận và quan sát cho thấy: cùng với ngôn ngữ, việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ giúp mang lại hiệu quả giao tiếp cao hơn. Ngôn ngữ cơ thể là một phương tiện không thể thiếu trong việc giao tiếp của con người.

Việc sử dụng cụm ngôn ngữ cơ thể tích cực sẽ giúp cho mỗi người tạo ấn tượng, thể hiện sự tự tin, sự quyết đoán, ảnh hưởng đến đối tác giao tiếp, nhờ vậy đạt được thành công nhất định trong giao tiếp.Việc nhận biết, thu thập thông tin, hiểu và sử dụng ngôn ngữ cơ thể… phù hợp, khéo léo trong giao tiếp là một nghệ thuật.

1.2. Về mặt thực tiễn

Nhiều sinh viên đã biết ý nghĩa và vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp, tuy nhiên chưa hiểu một cách đầy đủ.

Tuy nhiên, các sinh viên được khảo sát chưa vận dụng một cách tối ưu nhất ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp.

Có nhiều yếu tố tác động đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp như công tác đào tạo, văn hóa, truyền thống, phong tục, hoàn cảnh, thời gian…

Cần thiết phải hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể ở mỗi người.

2. Kiến nghị

Đối với nhà trường: chú trọng hơn việc học, tìm hiểu về ngôn ngữ cơ thể nơi sinh viên để trang bị thật tốt cho hành trang sắp tới của mỗi bạn học sinh/sinh viên.

Đối với gia đình: Cần hướng dẫn, góp phần hình thành kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể nơi mỗi người.

Đối với sinh viên: Học tập, rút kinh nghiệm cho việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể của mình, Tìm hiểu tài liệu, sách báo… có liên quan để hiểu về ngôn ngữ cơ thể và văn hóa vùng.

Đối với ngành giáo dục: Cần có các chương trình đào tạo kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp cho sinh viên, sự luyện tập, quan sát một cách có ý thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allan & Barara Pease (2013), *The definitive book of body language*, NXB tổng hợp TP. HCM.

2. Allan- Barbara Pease (2005), *Tìm hiểu ngôn ngữ cơ thể*, NXB văn hóa.

3. Chu Liên Anh (2011), luận án tiến sĩ tâm lý học, *kỹ năng tư vấn pháp luật của luật sư*, Viện khoa học xã hội Việt Nam, học viện khoa học xã hội.

4. Janine Driver (Nguyễn Thành Yến dịch) (2014)*, Vận dụng ngôn ngữ cơ thể mới*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

6. Chu Văn Đức (2005), *Giáo trình kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.

7. Ngọc Hà (2013), *501 điều cấm kỵ trong cuộc sống hiện đại*, NXB văn hóa thông tin.

8. Hoàng Văn Hành (2003), Từ điển tiếng Việt.

9. Tim Hindle (2005), *Cẩm nang quản lý hiệu quả- Kỹ năng phỏng vấn*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

10. Robert Heller (2006), *Cẩm nang quản lý hiệu quả* - *Quản lý nhân sự*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.